

Số: 2301 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 06 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi,  
bổ sung trong lĩnh vực: Điện, Quản lý bán hàng đa cấp  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát  
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh  
Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành  
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ  
sung trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công  
Thương và Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý Bộ  
Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 49/TTr-SCT  
ngày 21 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành  
chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Điện, Quản lý bán hàng đa cấp  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Quyết định số

1206/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4338/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Điện, Quản lý cạnh tranh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K6, KSTT<sup>(C)</sup>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 12 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC: ĐIỆN,  
QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT                                                                                                              | Tên TTHC                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                      | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                 | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC                                                                                                       |                                                  |                                                                                        |                                   |              |                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |
| I. Lĩnh vực: Điện (08 TTHC)                                                                                      |                                                                                                                  |                                                  |                                                                                        |                                   |              |                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |                                                                                                                  |                                                  |                                                                                        |                                   |              |                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |
| 1                                                                                                                | Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương<br>(2.001561.000.00.00.H08) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn) | Có                                | Toàn trình   | Thành phần hồ sơ; Dịch vụ công trực tuyến; Căn cứ pháp lý | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ) | - Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;<br>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                      | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                        |                                                  |                                                                              |                                   |              |                                                                                                |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |
|     |                                                                                                                                   |                                                  |                                                                              |                                   |              |                                                                                                |                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cấp Giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước, lĩnh vực điện trên địa bàn tỉnh Bình Định.</li> </ul> |                 |
| 2   | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương<br>(2.001632.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố | Có                                | Toàn trình   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý</li> <li>- Thành phần hồ sơ</li> </ul> | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                      | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung              | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                          |                                                  |                                                                                        |                                   |              |                                        |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|     |                                                                                                                                     |                                                  | Quy Nhơn)                                                                              |                                   |              |                                        | nộp hồ sơ)                                                                                                                                              | ngày 05/02/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Bình Định |                 |
| 3   | Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương<br>(2.001617.000.00.00.H08) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn) | Có                                | Toàn trình   | - Căn cứ pháp lý<br>- Thành phần hồ sơ | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí | - Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;<br>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;                                                             | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                      | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                           |                                                  |                                                                              |                                   |              |                                                                                                |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |
|     |                                                                                                                                                      |                                                  |                                                                              |                                   |              |                                                                                                | thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ)                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định</li> <li>- Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/ 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> </ul> |                 |
| 4   | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương<br>(2.001549.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố | Có                                | Toàn trình   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý</li> <li>- Thành phần hồ sơ</li> </ul> | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</li> </ul>                                                                                                                                                              | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                               | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung              | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                             |                                                  |                                                                                  |                                   |              |                                        |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
|     |                                                                                                        |                                                  | Quy Nhơn)                                                                        |                                   |              |                                        | nộp hồ sơ)                                                                                                                      | ngày 05/02/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định. |                 |
| 5   | Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương<br>(2.001249.000.00.00.H08) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy | Có                                | Toàn trình   | - Căn cứ pháp lý<br>- Thành phần hồ sơ | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân | - Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;<br>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính                                                                             | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung            | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                               |                                                  |                                                                    |                                   |              |                                      |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                                                                                                          |                                                  | Nhon)                                                              |                                   |              |                                      | nộp hồ sơ)                                                                                                        | phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định.<br>- Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/ 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 6   | Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương<br>(2.001724.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, | Có                                | Toàn trình   | Căn cứ pháp lý<br>- Thành phần hồ sơ | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ | - Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;<br>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                 | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                      | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TTHC liên thông |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                           |                                                  |                                                                              |                                   |              |                                                                                                |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |
|     |                                                                                                      |                                                  | thành phố Quy Nhơn)                                                          |                                   |              |                                                                                                | chức, cá nhân nộp hồ sơ)                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định</li> </ul> |                 |
| 7   | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương<br>(2.001535.000.00.00.H08) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố | Có                                | Toàn trình   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý</li> <li>- Thành phần hồ sơ</li> </ul> | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>(Thu phí khi tổ chức, cá nhân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</li> </ul>                                                                                                                                         | Không           |

| STT | Tên TTHC                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC           | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung              | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                            |                                                  |                                                             |                                   |              |                                        |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |
|     |                                                                                                                       |                                                  | Quy Nhơn)                                                   |                                   |              |                                        | nộp hồ sơ)                                                                                     | ngày 05/02/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định<br>- Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/ 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |                 |
| 8   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương<br>(2.001266.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà | Có                                | Toàn trình   | - Căn cứ pháp lý<br>- Thành phần hồ sơ | Phí: Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | - Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012;<br>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính                                                                                                                                                                                                                               | Không           |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |              |                           |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
|     |            |                     | Trung, thành phố Quy Nhơn)                        |                                   |              |                           | (Thu phí khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ) | phủ;<br>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định |                 |

## II. Lĩnh vực: Quản lý bán hàng đa cấp (04 TTHC)

**Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương**

|   |                                                                              |                                          |                                        |    |            |                                               |       |                                                                                                                                  |       |
|---|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|----|------------|-----------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1 | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương<br>(2.000309.000.00.00.H08) | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | Có | Toàn trình | Trình tự thực hiện ;<br>Thành phần hồ sơ; Căn | Không | - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ ;<br>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của | Không |
|---|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|----|------------|-----------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|

| STT | Tên TTHC                                                                                               | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                      | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                            | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                             |                                                    |                                                                                        |                                   |              |                                                      |                      |                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|     |                                                                                                        | sơ hợp lệ                                          | (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn)                                        |                                   |              | cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết TTHC                 |                      | Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ.                                                                                                                                 |                 |
| 2   | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương<br>(2.000631.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn) | Có                                | Toàn trình   | Thành phần hồ sơ; Trình tự thực hiện; Căn cứ pháp lý | Không                | - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ. | Không           |
| 3   | Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương<br>(2.000619.000.00.00.H08)                | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai                               | Có                                | Toàn trình   | Trình tự thực hiện; Căn cứ pháp lý                   | Không                | - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP                                         | Không           |

| STT                     | Tên TTHC                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                      | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVCTT | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                          | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                         | Mã số TTHC                                                                                   |                                                    |                                                                                        |                                   |              |                                                                                    |                      |                                                                                                                                                                                                                    |                 |
|                         |                                                                                              |                                                    | Bà Trung, thành phố Quy Nhơn)                                                          |                                   |              |                                                                                    |                      | ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ /                                                                                                                                                                           |                 |
| 4                       | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp<br>(2.000609.000.00.00.H08) | 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn) | Có                                | Toàn trình   | Trình tự thực hiện; Thành phần hồ sơ; Yêu cầu, điều kiện; Thời hạn giải quyết TTHC | Không                | - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ. | Không           |
| <b>TỔNG SỐ: 12 TTHC</b> |                                                                                              |                                                    |                                                                                        |                                   |              |                                                                                    |                      |                                                                                                                                                                                                                    |                 |